TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 233/2019/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 29 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị Th; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn DT, xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu phố B, phường QY, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh;

2. Anh Trần Văn T; nơi cư trú: Thôn DT, xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 28 tháng 5 năm 2014. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm, tâm sinh lý, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã xúc phạm không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 05 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt

mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2019, là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T.

[2] Về con chung: Chị Th anh T có 01 con chung là Trần Bảo Ng, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11 năm 2019, cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Th và anh T. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Th và anh T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Th và anh T thỏa thuận: Giao cho anh T chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo Ng, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 11 năm 2019 cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0007888 ngày 14 tháng 10 năm 2019, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Đức Vịnh